

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/ HNGĐ - ST
Ngày 30 - 5 - 2019.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thủy.
2. Bà Lê Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huệ – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 14/TB-XX này 14/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1988.

Bị đơn: Anh Hoàng Đức T, sinh năm 1982.

HKTT: Tổ 31A (nay là tổ 6), phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ : Xóm 2, xã M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Hoàng Đức T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 26/02/2009 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp. Mâu thuẫn

vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng Mai Phương U, sinh ngày 17/07/2010 và cháu Hoàng Gia H1, sinh ngày 28/11/2016. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung. Yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con 1.000.000đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn anh Hoàng Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Chị H làm đơn ly hôn, anh T xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T thống nhất với ý kiến chị H vợ chồng có 02 con chung. Nếu ly hôn nguyện vọng của anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Mai Phương U, sinh ngày 17/07/2010. Để chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Gia H1, sinh ngày 28/11/2016. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giải quyết về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” giữa chị Trần Thị H và anh Hoàng Đức T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Đức T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Hoàng Đức T có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Chị H có đơn đề nghị Tòa

án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải. Chị H và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết cùng đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng Mai Phương U, sinh ngày 17/07/2010 và cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 28/11/2016. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H và anh T đều chính đáng. Song việc giao con cho ai nuôi phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét cháu Hoàng Gia H còn nhỏ nên cần sự trực tiếp, chăm sóc của chị H nên giao cháu H cho chị H trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Cháu Hoàng Mai Phương U có nguyện vọng chung sống cùng bố mẹ. Hiện cháu U đang chung sống, ổn định cùng anh T nên giao cháu U cho anh T trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về chia tài sản: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí và quyền kháng cáo: Đương sự phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị H được ly hôn anh Hoàng Đức T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Hoàng Gia H1, sinh ngày 28/11/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Hoàng Mai Phương U, sinh ngày 17/7/2010 cho anh Hoàng Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm*

ngành đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002181 ngày 04/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H, anh Hoàng Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã M, TP Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; T A.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Tuyền

